

34.

**CHƯƠNG
TRÌNH
GIẢM NGHÈO
BỀN VỮNG**

| | | |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 01/GNBV/PLĐTĐBXH |
| | Lập kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững đầu giai đoạn và hàng năm | |

| | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Cơ sở pháp lý: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; - Nghị quyết số 13/2020/NQ - HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021 - 2025; - Căn cứ các kế hoạch Thành phố, Quận về thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm; Nghị quyết của Quận ủy, Đảng ủy phường về thực hiện chương trình giảm nghèo hàng năm. | | |
| 2. Thời gian thực hiện: Đầu giai đoạn và năm thực hiện kế hoạch. | | |
| 3. Yêu cầu công việc: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phải bám sát tình hình thực tế, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm; đề ra lộ trình, chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành trong giai đoạn và năm thực hiện kế hoạch. - Nêu nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội, các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, phân công nhiệm vụ các đơn vị thực hiện và phối hợp. | | |
| 4. Bộ phận/cá nhân tham mưu: Ban giảm nghèo bền vững phường; Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. | | |
| Bộ phận/cá nhân phối hợp: Các ngành, đoàn thể phường, khu phố, Tổ tự quản giảm nghèo của phường. | | |
| 5. Trình tự thực hiện: | | |
| Bước công việc | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện |
| B1 | - Dự thảo Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường.. |
| B2 | - Lấy ý kiến góp ý của các thành viên Ban giảm nghèo bền vững phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách |

| | | |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 01/GNBV/PLĐT BXH |
| | Lập kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững đầu giai đoạn và hàng năm | |

| | | |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | giảm nghèo phường. |
| B3 | - Hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch, họp Ban giảm nghèo bền vững phường lấy ý kiến lần 2. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| B4 | - Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường tổ chức họp phản biện dự thảo kế hoạch (nếu có) | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường |
| B5 | - Hoàn chỉnh kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký ban hành và triển khai thực hiện. | Ban giảm nghèo bền vững phường |
| 6. Biểu mẫu: Không có | | |

| | | |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 02/GNBV/PLĐT BXH |
| | Công tác khảo sát, rà soát hộ dân để đưa vào chương trình giảm nghèo | |

| | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|
| 1. Cơ sở pháp lý: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; - Nghị quyết số 13/2020/NQ - HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021 - 2025; - Căn cứ Hướng dẫn số 33/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về quy trình bình nghị và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021-2025 và Hướng dẫn số 34/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về khảo sát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021-2025 của Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố; | | |
| 2. Thời gian thực hiện: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Đầu giai đoạn của chương trình giảm nghèo bền vững thành phố. - Khảo sát định kỳ hàng tháng và cuối năm (kiểm tra hiệu quả giảm nghèo). | | |
| 3. Yêu cầu công việc: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về quy trình bình nghị và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021-2025 và Hướng dẫn số 34/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về khảo sát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021-2025 của Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố. - Đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch khảo sát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của Ủy ban nhân dân Quận 8. | | |
| 4. Bộ phận/cá nhân tham mưu: Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. | | |
| Bộ phận/cá nhân phối hợp: Các ngành, đoàn thể phường, khu phố, Tổ tự quản, cộng tác viên của phường. | | |
| 5. Trình tự thực hiện: | | |
| Bước công việc | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện |
| B1 | - Dự thảo Kế hoạch khảo sát hộ dân đầu giai | Cán bộ Lao động - |

| | | |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 02/GNBV/PLĐT BXH |
| | Công tác khảo sát, rà soát hộ dân để đưa vào chương trình giảm nghèo | |

| | | |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | đoạn. | Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |
| B2 | - Tổ công tác khảo sát của phường chịu trách nhiệm hướng dẫn Tổ trưởng Tổ dân phố, Cộng tác viên lập danh sách hộ gia đình theo từng Tổ dân phố. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |
| B3 | - Sau khi kiểm tra danh sách hộ dân đã được Tổ dân phố ghi đầy đủ, xác định hộ được phát phiếu khảo sát, danh sách có chữ ký của Tổ dân phố và xác nhận của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |
| B4 | - Sau khi có kết quả lập danh sách hộ gia đình đủ điều kiện được chọn phát phiếu khảo sát, rà soát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021 – 2025, Tổ công tác của phường triển khai Tổ trưởng (hoặc cộng tác viên khảo sát) hướng dẫn hộ gia đình được chọn phát phiếu khảo sát ghi thông tin của hộ. | Tổ tự quản, Tổ dân phố, cộng tác viên của phường. |
| B5 | - Sau khi hộ gia đình tự ghi phiếu khảo sát hoặc Tổ tự quản, Tổ dân phố, cộng tác viên của phường ghi hộ, tiến hành thu hồi phiếu và kiểm tra xem đầy đủ thông tin theo yêu cầu hay chưa và cho hộ ký xác nhận thông tin khảo sát. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ tự quản, Tổ dân phố, cộng tác viên của phường. |
| B6 | - Sau khi Tổ trưởng Tổ tự quản hoàn thành việc khảo sát thông tin hộ, nộp về phường để chuyên trách giảm nghèo vào dữ liệu quản lý của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B7 | - In danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gửi về khu phố để tiến hành bình nghị. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ |

| | | |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BÈN VỮNG | Mã hiệu: 02/GNBV/PLĐTBXH |
| | Công tác khảo sát, rà soát hộ dân để đưa vào chương trình giảm nghèo | |

| | | |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B8 | - Sau khi Khu phố, Tổ dân phố tiến hành bình nghị xong, chuyên trách giảm nghèo phường điều chỉnh thông tin hộ (nếu có thay đổi). Hội Ban giảm nghèo bền vững phường thông qua danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B9 | - In danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo niêm yết tại khu phố. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B10 | - Nộp danh sách và công văn đề nghị Ủy ban nhân dân quận công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm khảo sát. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |
| B11 | - Sau khi có Thông báo của Ủy ban nhân dân quận về công nhận danh sách, số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm khảo sát. Phường ban hành Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |

6. Biểu mẫu

| STT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 01/DS-21 | - Mẫu danh sách hộ gia đình |
| 2 | 02/PKS-21 | - Phiếu khảo sát, rà soát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021 - 2025 |

| | | |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 03/GNBV/PLĐT BXH |
| | Công tác khảo sát, rà soát bổ sung thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm (kiểm tra hiệu quả giảm nghèo) | |

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ - HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021 - 2025;
- Hướng dẫn số 33/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về quy trình bình nghị và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021-2025 và Hướng dẫn số 34/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về khảo sát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021-2025 của Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố;

2. Thời gian thực hiện:

- Khảo sát, rà soát bổ sung thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm (kiểm tra hiệu quả giảm nghèo).

3. Yêu cầu công việc:

- Thực hiện theo đúng Hướng dẫn số 33/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về quy trình bình nghị và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021-2025 và Hướng dẫn số 34/HD-BCĐCTGNBV ngày 23 tháng 3 năm 2021 về khảo sát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021-2025 của Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch rà soát, bổ sung thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm của Ủy ban nhân dân Quận 8.

4. Bộ phận/cá nhân tham mưu: Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường.

Bộ phận/cá nhân phối hợp: Các ngành, đoàn thể phường, khu phố, Tổ tự quản.

5. Trình tự thực hiện:

| Bước công việc | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| B1 | - Dự thảo Kế hoạch rà soát, bổ sung thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |

| | | |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIÁM NGHÈO BÈN VŨNG | Mã hiệu: 03/GNBV/PLĐT BXH |
| | Công tác khảo sát, rà soát bổ sung thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm (kiểm tra hiệu quả giảm nghèo) | |

| | | |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| B2 | - Tổ công tác khảo sát của phường chịu trách nhiệm hướng dẫn Tổ trưởng Tổ tự quản ghi bổ sung phiếu khảo sát hộ dân đã có sẵn, hoặc ghi phiếu mới đối với những trường hợp tăng mới. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| B3 | - Sau khi Tổ trưởng Tổ tự quản hoàn thành việc khảo sát thông tin hộ, nộp về phường để chuyên trách giảm nghèo kiểm tra đồng thời điều chỉnh thông tin thay đổi của hộ nghèo, hộ cận nghèo và nhập mới với những hộ tăng mới vào dữ liệu quản lý của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B4 | - Sau khi điều chỉnh thông tin thay đổi của hộ nghèo, hộ cận nghèo và nhập mới với những hộ tăng mới vào dữ liệu quản lý của phường. In danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gửi về khu phố để tiến hành bình nghị. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B5 | - Sau khi Khu phố, Tổ dân phố tiến hành bình nghị xong, chuyên trách giảm nghèo phường điều chỉnh thông tin hộ (nếu có thay đổi). Họp Ban giảm nghèo bền vững phường thông qua danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B6 | In danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo niêm yết tại khu phố. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo |
| B7 | - Nộp danh sách và công văn đề nghị Ủy ban nhân dân quận công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm khảo sát. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |

| | | |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 03/GNBV/PLĐT BXH |
| | Công tác khảo sát, rà soát bổ sung thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm (kiểm tra hiệu quả giảm nghèo) | |

| | | |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| B8 | - Sau khi có Thông báo của Ủy ban nhân dân quận về công nhận danh sách, số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm khảo sát. Phường ban hành Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của phường. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|

6. Biểu mẫu

| STT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|-----|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1 | BM 01 (Phụ lục 02/PKS-21) | - Phiếu khảo sát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021 - 2025 |
| 2 | BM 02 (Phụ lục 1A/DSBN-21) | - Danh sách bình nghị |
| 3 | BM 03 (Phụ lục số 3B/DSCK-21) | - Danh sách công khai |

| | | |
|------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 04/GNBV/PLĐT BXH |
| | Thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo | |

| | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Cơ sở pháp lý: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; - Nghị quyết số 13/2020/NQ - HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025; - Các văn bản, hướng dẫn của các Sở, ngành thành phố về thực hiện chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021 – 2025. | | |
| 2. Thời gian thực hiện: Thường xuyên và cả giai đoạn 2021 - 2025 | | |
| 3. Yêu cầu công việc: | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung cải thiện, từng bước nâng cao đời sống, điều kiện sống, chất lượng cuộc sống và tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người nghèo trên địa bàn theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, đảm bảo công tác hỗ trợ phải mang lại hiệu quả cao nhất. Không để bỏ sót, trùng lặp, sai đối tượng thụ hưởng. - Phát huy mọi nguồn lực, hệ thống chính trị trên địa bàn, phân đấu thực hiện tốt công tác chăm lo về an sinh xã hội nhằm đảm bảo cho người nghèo phấn đấu tự vươn lên trong cuộc sống và thoát nghèo bền vững. | | |
| 4. Bộ phận/cá nhân tham mưu: Ban giảm nghèo bền vững phường; Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. | | |
| Bộ phận/cá nhân phối hợp: Các ngành, đoàn thể phường, khu phố, Tổ tự quản của phường, Bảo hiểm xã hội Quận 8, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8, Ngân hàng Chính sách xã hội Quận 8, Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8, các cơ sở dạy nghề. | | |
| 5. Nội dung thực hiện: | | |
| STT | Nội dung thực hiện | Trách nhiệm thực hiện |
| 1 | - Gia hạn, cấp mới thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường., Tổ tự quản |

| | | |
|------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BÈN VŨNG | Mã hiệu: 04/GNBV/PLĐTBOXH |
| | Thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo | |

| | | |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | giảm nghèo, Bảo hiểm xã hội Quận 8. |
| 2 | - Cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho học sinh, sinh viên để hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. - Thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên người dân tộc thiểu số. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường., Tổ tự quản giảm nghèo, các trường học trên địa bàn và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8. |
| 3 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề theo nguyện vọng và hộ có thiếu hụt các chiều xã hội. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ tự quản giảm nghèo |
| 4 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường., Tổ tự quản giảm nghèo, Bảo hiểm xã hội Q8 |
| 5 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ sửa chữa nhà ở, nâng cao điều kiện sống. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. Tổ tự quản giảm nghèo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường |
| 6 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ về vay vốn Hỗ trợ giảm nghèo. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ tự quản |

| | | |
|----------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BÈN VỮNG | Mã hiệu: 04/GNBV/PLĐT BXH |
| | Thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo | |

| | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | giảm nghèo, Ngân hàng chính sách xã hội Quận 8 |
| 7 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ về bù giá tiền điện, nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường, Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn. |
| 8 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ về khuyến khích hỏa táng. | Ban giảm nghèo bền vững phường, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| 9 | - Thực hiện chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề sơ cấp (dưới 03 tháng). | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| 10 | - Thực hiện các chính sách hỗ trợ khác từ nguồn vận động của địa phương, các mạnh thường quân và đơn vị tài trợ. | Ủy ban nhân dân, Ban giảm nghèo bền vững, các ngành đoàn thể phường; Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| 6. Biểu mẫu: Mẫu danh sách hộ gia đình; các biểu mẫu theo quy định của từng chính sách hỗ trợ | | |

| | | |
|------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 05/GNBV/PLDTBXH |
| | Lập hồ sơ xét duyệt vay vốn Hỗ trợ giảm nghèo | |

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết số 13/2020/NQ - HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay Hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hướng dẫn Liên ngành số 36/LNBCĐCTGNBV-NHCSXH ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững và Ngân hàng Chính sách Xã hội về thống nhất thời gian giải quyết hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Chính sách Xã hội và công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ Xóa đói giảm nghèo.
- Các văn bản, hướng dẫn của các Sở, ngành thành phố về thực hiện chính sách hỗ trợ vốn vay cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021 – 2025.

2. Thời gian thực hiện: Thường xuyên

3. Yêu cầu công việc:

- Tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ vượt chuẩn cận nghèo được tiếp cận các nguồn vay ưu đãi từ Quỹ Hỗ trợ giảm nghèo.
- Đảm bảo cho vay đúng đối tượng, kịp thời, sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả, thu hồi vốn vay đúng hạn, giảm tỷ lệ nợ quá hạn.

4. Bộ phận/cá nhân tham mưu: Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường.

Bộ phận/cá nhân phối hợp: Các ngành, đoàn thể phường, khu phố, Tổ tự quản, Tổ tiết kiệm vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội Quận 8.

5. Trình tự thực hiện:

| Bước công việc | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|
| B1 | - Hộ vay vốn làm đơn gửi Tổ Tiết kiệm vay vốn của phường. | Tổ Tiết kiệm vay vốn |

| | | |
|------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|
| UBND QUẬN 8 | CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | Mã hiệu: 05/GNBV/PLDTBXH |
| | Lập hồ sơ xét duyệt vay vốn Hỗ trợ giảm nghèo | |

| | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| B2 | - Tổ Tiết kiệm vay vốn tổng hợp đơn, phối hợp cùng Hội đoàn thể nhận vốn ủy thác tổ chức họp xét duyệt công khai, có sự chứng kiến của khu phố và hộ vay vốn. | Tổ Tiết kiệm vay vốn |
| B3 | - Sau khi có kết quả họp xét duyệt Tổ Tiết kiệm vay vốn hoàn thiện hồ sơ theo quy định, lập danh sách hộ vay vốn trình Ủy ban nhân dân phường xác nhận đối tượng vay vốn. | Tổ Tiết kiệm vay vốn |
| B4 | - Ủy ban nhân dân phường tiếp nhận hồ sơ, danh sách đề nghị vay vốn kiểm tra, rà soát và xác nhận đối tượng vay vốn. | Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách Chuyên trách giảm nghèo phường. |
| B5 | - Sau khi Ủy ban nhân dân phường xác nhận đối tượng vay vốn, Tổ Tiết kiệm vay vốn gửi hồ sơ đến Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận. | Tổ Tiết kiệm vay vốn |
| B6 | - Cán bộ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ hồ sơ vay vốn và trình Giám đốc Ngân hàng ký duyệt hồ sơ. Đồng thời gửi kết quả phê duyệt về Ủy ban nhân dân phường để thông báo cho người vay biết. | Cán bộ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội |
| B7 | - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức giải ngân trực tiếp cho người vay tại điểm giao dịch Ủy ban nhân dân phường. | Cán bộ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội |
| 6. Biểu mẫu: theo mẫu 01/TĐ, 03/TĐ, 01/UQĐP của Ngân hàng chính sách xã hội Quận 8 | | |

Danh sách các biểu mẫu thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TD

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay Hỗ trợ Giảm Nghèo

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội quận 8 và quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Họ tên người vay: Năm sinh:
CMND số: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ cư trú tại:, khu phố.....phường.....
Quận...
Là thành viên Tổ TK&VV do Ông (bà) làm
tổ trưởng
Thuộc tổ chức Hội: quản lý

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền là: đồng.
(Bằng chữ:
.....)

Đề thực hiện dự án :

Tổng nhu cầu vốn: đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia: đồng.

+ Vốn vay NHCSXH: đồng để dùng vào việc

| Đối tượng | Số lượng | Thành tiền |
|-----------|----------|------------|
|-----------|----------|------------|

| | | |
|-------|-------|-------|
| | | |
| | | |
| | | |

Cộng: đồng

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần;

- Hạn trả nợ cuối cùng: ngày tháng năm 20

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.
Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng năm ...

Người vay
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay: đồng. (Bằng
chữ:)

2. Lãi suất:%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần;

4. Số tiền trả nợ: đồng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày..... tháng.....
năm.....

Danh sách các biểu mẫu thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày.....

Ngày..... Thángnăm

.....
Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Danh sách các Biểu mẫu thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững

TÊN TỔ TKVV:

KHU PHỐ:

PHƯỜNG:

QUẬN:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH

ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Chương trình cho vay HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO

Mẫu số: 03/TĐ

Lập 04 liên: - 02 liên lưu NH

(01 liên lưu chứng từ, 01 liên lưu hồ sơ vay

- 01 liên lưu tổ TK&VV.

01 liên lưu tổ chức CTXH

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày .../.../..... đã bình xét các thành viên xin vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội
Toàn thể nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Đơn vị tính: đồng

| S T T | Họ và tên | Địa chỉ | Đề nghị của tổ TKVV | | Phê duyệt của Ngân hàng | |
|-------------|------------------|---------|---------------------|------------------|-------------------------|------------------|
| | | | Số tiền | Thời hạn (tháng) | Số tiền | Thời hạn (tháng) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| 7 | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | |

Ngày.....tháng.....năm.....

Phản xác nhận của UBND phường

Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại phường,
thuộc diện hộ:.....

TỔ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND phường

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....

Phê duyệt của Ngân hàng

Số hộ được vay vốn đợt này: hộ

Tổng số tiền cho vay: đồng

Số hộ chưa được vay vốn đợt này: hộ

Có số thứ tự trong DS là:.....

CB tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng KH-NV

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Danh sách các Biểu mẫu thuộc Chương trình Giám nghèo bền vững

Tên đơn vị (quận, huyện, thành phố Thủ Đức): _____
 Phường-xã-thị trấn: _____

Khu phố/Áp: _____
 Tờ Dân phố/Tờ Nhân dân: _____

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH

để xác định phát phiếu khảo sát, rà soát thực trạng đời sống dân cư giai đoạn 2021 - 2025

(Do Tổ trưởng tờ dân phố/Tờ nhân dân thực hiện)
 Tháng ____/2021

| Stt | Họ tên chủ hộ | Địa chỉ hộ (Số nhà, đường) | Tình trạng đăng ký hộ khẩu (ghi mã tương ứng) | | | Hệ thuộc Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 (Chỉ dấu "X") | Đặc điểm hộ gia đình (Ghi dấu X vào ô thích hợp) | | | | | | | Tờ thứ trong tổng số tờ | |
|------------------|---------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| | | | 1. Đăng ký số hộ khẩu thường trú. | 2. Đăng ký số tạm trú trên 06 tháng (có hộ khẩu Thành phố). | 3. Đăng ký số tạm trú trên 06 tháng (có hộ khẩu ở tỉnh hoặc Thành phố khác). | | 1. Hộ gia đình có thành viên là Lãnh đạo doanh nghiệp | 2. Hộ gia đình có cơ sở sản xuất kinh doanh có tàu, ghe đánh bắt xa bờ hoặc chủ trang trại hoặc chăn nuôi, trồng trọt có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên | 3. Hộ gia đình có nhà biệt thự, nhà kiên cố, căn hộ chung cư diện tích bình quân đầu người từ 30 m ² trở lên | 4. Hộ gia đình có ít nhất 01 người đang làm việc ở các cơ quan, đơn vị các cấp, các tổ chức đoàn thể-xã hội có trình độ từ đại học trở lên | 5. Hộ gia đình có ít nhất 01 ô tô, xe máy (có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên) | 6. Hộ gia đình có độ dùng sinh hoạt: máy điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, dàn karaoke (có 03 trong 04 loại trên ghi dấu X) | 7. Hộ gia đình có ít nhất 01 thành viên đang học Trung tâm Đào tạo Quốc tế, Quốc tế hoặc đang du học nước ngoài | | 8. Hộ được chọn phát phiếu khảo sát là hộ có 02 đặc điểm trở xuống (ghi dấu X) |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I | J | K | L | M | N | O | P |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | |

Hộ phát phiếu khảo sát là hộ ghi dấu 02 đặc điểm trở xuống (từ cột 1 => 7)

Tổng số hộ của Tờ Dân phố/Tờ Nhân dân:

Số hộ được phát phiếu khảo sát:

Ngày tháng năm
 Tổ trưởng Tờ dân phố/nhân dân
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
 Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Người tổng hợp
 (Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG - XÃ - THỊ TRẤN
 KHU PHỐ/ÁP
 TỜ DẪN PHỐ/TỜ NHÂN DÂN

Phụ lục [A/DSBN-2]

**DANH SÁCH BÌNH NGHỊ TẠI TỜ DẪN PHỐ/TỜ NHÂN DÂN (DANH SÁCH BÌNH NGHỊ LẦN 1)
 Thời điểm Tháng Năm 20...**

| STT | Họ và tên chủ hộ (Sắp xếp theo Tô dân phố) | Mã số hộ | Địa chỉ | Tổng số nhân khẩu | Loại hộ trước thời điểm khảo sát, rà soát | Loại hộ sau thời điểm khảo sát, rà sốt | Thu nhập BQ/ người (đồng/ người/ năm) | Tổng chi số tiêu lục | Chi số tiêu lục các chiếu xã hội | | | | | | | | | | | |
|-----|-----------------------------------------------|----------|---------|-------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|----------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------|---------------------------|----|--|
| | | | | | | | | | 1. Dành dưỡng | 2. Bảo hiểm y tê | 3. Trình độ giáo dục người lớn | 4. Trình trung đi học trẻ em | 5. Việc làm | 6. Bảo hiểm xã hội | 7. Nhà ở sinh hoạt | 8. Nước ở sinh hoạt | 9. Thu nhập | 10. Người phụ thuộc | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Lưu ý:
 - Cột 6 và cột 7 thực hiện trong các đợt kiểm tra hiệu quả giảm nghèo các năm
 - Cột 20 "Ghi chú": Bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ không nghèo, hộ bán nhà, chết....

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG - XA - THỊ TRẤN

DANH SÁCH BÌNH NGHỊ TẠI BAN GIÁM NGHỀ (DANH SÁCH BÌNH NGHỊ LẦN 2)
Thời điểm Tháng Năm 20...

| Stt | Họ và tên chủ hộ (Sắp xếp theo khu phố - Tổ dân phố) | Mã số hộ | Địa chỉ | Tổng số nhân khẩu | Loại hộ trước thời điểm khảo sát, rà soát | Loại hộ sau thời điểm khảo sát, rà soát | Thu nhập BQ/ người (đồng/người/ năm) | Tổng chỉ số thiếu hụt | Chỉ số thiếu hụt các chiều xã hội | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|---------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------------|----------|----------------------|------------------------|------------------------------|----|
| | | | | | | | | | 1. Danh dưỡng | 2. Bảo hiểm y tế | 3. Trình độ giáo dục người lớn | 4. Tình trạng đi học trẻ em | 5. Việc làm | 6. Bảo hiểm xã hội | 7. Nhà ở | 8. Nước sinh hoạt | 9. Thu nhập ngập | 10. Người phụ thuộc | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Lưu ý:

- Cột 6 và cột 7 thực hiện trong các đợt kiểm tra hiệu quả giám nghề các năm

- Cột 20 "Ghi chú": Bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ không nghèo, hộ bán nhà, chết ...

